

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực dầu khí Nhơn Trạch (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tự Hiếu	Chủ tịch
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thủy mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Xuân Quốc

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Số: 0083/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 3 đến trang 26. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Lê Chí Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 15 tháng 8 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1503/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh		
			30/06/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.543.886.835.644	1.915.753.325.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		34.759.016.883	28.710.621.943
1. Tiền	111	4	34.759.016.883	28.710.621.943
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		818.837.944.704	437.801.815.184
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	818.837.944.704	437.801.815.184
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.506.754.663.982	1.229.505.566.672
1. Phải thu khách hàng	131	6	490.850.745.553	136.180.072.802
2. Trả trước cho người bán	132		6.835.420.889	29.299.507.639
3. Các khoản phải thu khác	135	7	1.015.292.793.732	1.064.025.986.231
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6	(6.224.296.192)	-
IV. Hàng tồn kho	140		179.610.294.864	181.210.013.298
1. Hàng tồn kho	141	8	179.610.294.864	181.210.013.298
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.924.915.211	38.525.307.980
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.487.136.026	9.499.996
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		228.910.138	38.271.807.984
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		208.869.047	244.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.920.020.334.898	12.557.041.056.704
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		38.782.753.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	38.782.753.000	-
II. Tài sản cố định	220		10.564.828.355.798	11.066.427.286.240
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	10.428.728.387.832	10.980.469.827.719
- Nguyên giá	222		11.168.240.846.565	11.201.196.368.577
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(739.512.458.733)	(220.726.540.858)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	136.099.967.966	85.957.458.521
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	3.218.159.150	11.140.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		11.140.000.000	11.140.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(7.921.840.850)	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.313.191.066.950	1.479.473.770.464
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1.313.191.066.950	1.479.473.770.464
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.463.907.170.542	14.472.794.381.781

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MÀU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		11.686.463.727.707	11.695.558.975.718
I. Nợ ngắn hạn	310		3.089.398.840.857	2.412.749.559.814
1. Vay ngắn hạn	311	14	1.144.708.788.449	1.162.373.439.872
2. Phải trả người bán	312		1.189.154.456.708	485.661.466.020
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.231.200.172	2.541.118.404
4. Phải trả người lao động	315		7.588.614.816	8.503.411.323
5. Chi phí phải trả	316	16	714.969.560.965	743.620.426.195
6. Các khoản phải trả khác	319	17	24.673.955.658	6.276.353.270
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.072.264.089	3.773.344.730
II. Nợ dài hạn	330		8.597.064.886.850	9.282.809.415.904
1. Vay dài hạn	334	18	8.592.417.953.657	9.278.162.482.711
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		4.646.933.193	4.646.933.193
B. NGUỒN VỐN	400		2.777.443.442.835	2.777.235.406.063
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	2.777.443.442.835	2.777.235.406.063
1. Vốn điều lệ	411		2.560.000.000.000	2.560.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		163.455.502.290	163.455.502.290
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		20.055.769.998	19.512.572.631
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		33.932.170.547	34.267.331.142
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.463.907.170.542	14.472.794.381.781

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
I. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.113,97	883.087,8
- EUR		363,70	225,8



Hoàng Xuân Quốc
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MÁU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu thuần về bán hàng	10		2.513.919.286.457	-
2. Giá vốn hàng bán	11		(2.275.686.702.689)	-
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng	20		238.232.583.768	-
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	169.462.120.577	15.692.045.924
5. Chi phí tài chính	22	22	(366.310.519.262)	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(190.339.386.271)	-
6. Chi phí bán hàng	24		(200.513.357)	-
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(24.684.340.622)	(13.170.697.341)
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.499.331.104	2.521.348.583
9. Thu nhập khác	31		5.196.871.487	-
10. Chi phí khác	32	23	(19.020.935.119)	(1.210.348.869)
11. Lỗ khác	40		(13.824.063.632)	(1.210.348.869)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.675.267.472	1.310.999.714
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	-	(327.749.929)
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.675.267.472	983.249.785



Hoàng Xuân Quốc
 Tổng Giám đốc
 Ngày 15 tháng 8 năm 2012


Nguyễn Hữu Minh
 Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.675.267.472	1.310.999.714
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	518.838.681.511	635.677.109
Các khoản dự phòng	03	14.146.137.042	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(117.140.132.843)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(44.528.092.310)	(15.692.045.924)
Chi phí lãi vay	06	190.339.386.271	-
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động			
Tăng các khoản phải thu	08	564.331.247.143	(13.745.369.101)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	09	(238.918.363.234)	(282.443.536.090)
Tăng các khoản phải trả	10	1.599.718.434	(119.014.903.646)
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	11	653.652.346.803	141.042.008.921
Tiền lãi vay đã trả	12	164.013.173.126	(75.598.520.237)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(168.283.587.178)	(126.985.416.631)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	14	(2.211.473.680)	(823.572.029)
	16	(2.168.311.341)	(2.025.642.868)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	972.014.750.073	(479.594.951.681)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn	21	(45.172.923.708)	(1.283.132.605.187)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(381.036.129.520)	-
3. Tiền thu hồi từ đầu tư	26	-	963.752.328.618
4. Thu lãi tiền gửi	27	40.532.818.645	13.500.881.892
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(385.676.234.583)	(305.879.394.677)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.895.068.555.037
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(580.290.086.468)	(1.116.415.390.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(580.290.086.468)	778.653.164.189
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	6.048.429.022	(6.821.182.169)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	28.710.621.943	15.070.108.688
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	(34.082)	(663.799.631)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	34.759.016.883	7.585.126.888

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 14.890.326.492 (năm 2011: 154.792.708.227 đồng) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu, phải trả.

Thu lãi tiền gửi từ hoạt động đầu tư trong kỳ không bao gồm số tiền 3.995.273.665 đồng (2011: 2.446.599.496 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong kỳ mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong kỳ không bao gồm số tiền 21.704.886.408 (2011: 26.117.007.093) đồng là số tiền lãi phải trả chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng các khoản phải



Hoàng Xuân Quốc
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 8 năm 2012

Nguyễn Hữu Minh
Kế toán trưởng